

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 338/2024/DS-PT

Ngày: 23 /5/2024

V/v tranh chấp Hợp đồng dịch vụ pháp lý

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 16/2024/TLPT-DS ngày 24/01/2024, về việc “ Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý ”.

Do bản án số 53/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2024/QĐ-PT ngày 26/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2024/QĐPT-HPT ngày 14/5/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty L1

Địa chỉ trụ sở: Số B, Tổ A, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang P, sinh năm 1960

ĐKKHKT tại: Tổ A phường M, quận H, Thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền số: 2806/2022/UQ0-JDC LAW FIRM ngày 06/3/2023).

(Có mặt).

- Bị đơn: Ngân hàng T2 (G)

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A phố T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hữu M – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền:

1. Ông Lê Vũ Q – Phó Giám đốc G1 – Chi nhánh T3 kiêm Giám đốc, G1 – P3.
(Vắng mặt)/
2. Ông Trần Thanh H - Phó Giám đốc - P3. (Có mặt).
3. Ông Đỗ Minh D – Trưởng Ban Kinh doanh – P3.
(Có mặt)
4. Ông Nguyễn Như H1 – Phó Phòng Pháp chế & Tuân thủ - Trụ sở chính
(Có mặt).
5. Ông Nguyễn Minh H2 – Cán bộ Phòng Pháp chế & Tuân thủ - Trụ sở chính. (Vắng mặt).
6. Ông Hà Thanh P1 – Trưởng Phòng Xử lý & Thu hồi nợ - Trụ sở chính. (Có mặt).
7. Ông Nguyễn Hoàng C – Cán bộ Phòng Xử lý & Thu hồi nợ - Trụ sở chính. (Có mặt).

(Theo Giấy uỷ quyền số 09/2023/UQ-TGD ngày 23/6/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2023; Bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Ngày 14/01/2015, Ngân hàng TMCP T2 – Chi nhánh T3 và Công ty L1 ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP., theo đó JDC có trách nhiệm nghiên cứu, tư vấn, soạn thảo văn bản khiếu nại gửi tới các cấp, cá nhân có thẩm quyền bao gồm: Ủy ban pháp luật và Ủy ban dân nguyện của Quốc H3; Ông Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Cơ quan thi hành án đề nghị xem xét lại Bản án 375/2014/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa Phúc Thẩm – TANDTC đối với phần dân sự trong bản án hình sự có liên quan đến Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/4/2011 giữa bà Vũ Thị L và ông Hà Trung H4 với Ngân hàng G1.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty L1 đã cử luật sư nghiên cứu, soạn thảo văn bản khiếu nại, tư vấn trình tự, thủ tục liên quan đến việc khiếu nại bản án đã có hiệu lực pháp luật. Từ tháng 02/2015 đến năm 2017, JDC đã tư vấn, soạn thảo nhiều văn bản đề Ngân hàng gửi đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu xem xét lại Bản án 375/2014/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa phúc thẩm – TANDTC theo trình tự giám đốc thẩm.

Ngân hàng đã thanh toán cho Công ty JDC số tiền dịch vụ theo hợp đồng cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 14/01/2015 thanh toán 55.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

Lần 2: Ngày 02/02/2015 thanh toán 27.500.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

Công ty L1 đã phát hành 02 hoá đơn GTGT cho 02 lần thanh toán nói trên, cụ thể là: Hoá đơn số 0000072 ngày 14/01/2015 và hoá đơn số 0000073 ngày 02/02/2015.

Đầu năm 2022, qua việc tra cứu trang thông tin mục công bố bản án của Tòa án đã xét xử liên quan đến các vụ án lừa đảo (*ngiên cứu và học hỏi thông qua việc xét xử của các cấp Tòa án*), Luật JDC được biết vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản do bị cáo Vũ Thị L và Hà Trung H4 đã được TAND Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục sơ thẩm vào ngày 12/6/2019. Sau khi được tiếp cận bản án, Luật JDC nhận thấy bản án hình sự sơ thẩm số 182/2019/HS-ST ngày 12/6/2019 của TAND thành phố Hà Nội đã nêu rõ căn cứ để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm vụ án này là:

Quyết định kháng nghị số 14/2017/KN-HS của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với nội dung: Đề nghị Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy toàn bộ bản án phúc thẩm số 375/2014/HSPT ngày 24/7/2014 của Tòa Phúc Thẩm – TANDTC và Bản án sơ thẩm số 66/2014/HSST ngày 21/02/2014 của TAND TP Hà Nội để điều tra lại.

Quyết định số 08/2018/HS-GĐT ngày 11/4/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC với nội dung: Hủy toàn bộ bản án phúc thẩm số 375/2014/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa Phúc Thẩm – TANDTC và Bản án sơ thẩm số 66/2014/HSST ngày 21/02/2014 của TAND TP Hà Nội để điều tra lại về hành vi phạm tội của các bị cáo (Vũ Thị L và Hà Trung H4);

Ngày 26/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo Vũ Thị L và Hà Trung H4 về tội “*lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phần nhận định của bản án số 182/HS-ST của TAND TP Hà Nội ngày 12/6/2019 đã nêu rõ bị cáo L, H4 lừa đảo anh Vương Văn T1 chiếm đoạt số tiền 1,2 tỷ đồng; chiếm đoạt của bà Lê Thị N số tiền 5,1 tỷ đồng. Riêng đối với việc đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lại Văn H5 thì TAND TP Hà Nội xác

định việc mua bán thừa đất 92m² giữa anh Lại Văn H5 với L, H4 chưa hoàn tất, chưa đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật nên không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án hình sự này, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Như vậy, khi xét xử lại vụ án TAND TP Hà Nội không xác định bị cáo L, H4 lừa đảo chiếm đoạt 1,4 tỷ đồng của Ngân hàng G1, đây là cơ sở để Ngân hàng G1 khởi kiện đòi nợ bà Hà Thị N1 (mẹ Hà Trung H4) và công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/4/2011 giữa bà Vũ Thị L và ông Hà Trung H4 với Ngân hàng G1 là hợp pháp, Ngân hàng G1 có quyền phát mại đối với tài sản thế chấp.

Ngày 25/9/2020, TAND huyện Đông Anh đã đưa vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng G1 và bà Hà Thị N1 ra xét xử sơ thẩm (bản án số 174/2020/DS-ST). Tại bản án này, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng G1. Ngân hàng G1 được phát mại tài sản là quyền sử dụng 92m² đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/4/2011. Hiện nay, Ngân hàng G1 đang yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đông Anh thi hành bản án số 174/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của TAND huyện Đông Anh.

Tóm lại, Công ty L1 đã tư vấn pháp luật, soạn thảo nhiều văn bản cho Ngân hàng G1 trong quá trình khiếu nại bản án phúc thẩm, những quan điểm, lập luận là chính xác, đúng quy định của pháp luật cho nên được Chánh án TANDTC và Hội đồng Thẩm phán TANDTC, TAND TP Hà Nội đều chấp nhận quan điểm cho Ngân hàng G1, bảo vệ thành công quyền và lợi ích chính đáng của bên nhận đảm bảo, có cơ sở chắc chắn để thu hồi thành công được khoản nợ đã cho vay, không làm mất vốn của Ngân hàng.

Ngày 07/6/2022, thông qua trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao (congbobanan.toaan.gov.vn) Luật JDC biết chắc chắn rằng TAND thành phố Hà Nội đã xét xử lại vụ án Vũ Thị L cùng chồng là Hà Trung H4 phạm tội lừa đảo.

Luật JDC đã tra cứu bản án số 182/HS-ST của TAND TP Hà Nội ngày 12/6/2019 và nhận thấy vụ án được xét xử lại trên cơ sở Quyết định kháng nghị số 14/2017/KN-HS của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 08/2018/HS-GĐT ngày 11/04/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Sau khi nhận được Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm ngày 14/9/2017, Ngân hàng G1 đã cố tình che dấu thông tin, không cung cấp thông tin, kết quả giải quyết khiếu nại bản án phúc thẩm số 375/2014/HSPT ngày 24/7/2014 của Tòa phúc thẩm – TANDTC và Bản án sơ thẩm số 66/2014/HSST ngày 21/02/2014 của TAND TP Hà

Nội để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ chi trả thù lao cho Công ty L1 theo hợp đồng dịch vụ pháp lý hai bên đã ký.

Đầu năm 2022, Luật JDC mới biết được việc khiếu nại bản án phúc thẩm số 375/2014/HSPT ngày 24/7/2014 của Tòa phúc thẩm, TANDTC đã thành công, bản án đã bị huỷ bỏ và vụ án được xét xử lại.

Sau khi biết thông tin, Luật JDC nhiều lần gửi văn bản, cử Luật sư liên hệ với những người có thẩm quyền của Ngân hàng G1 để làm việc, yêu cầu thanh toán theo hợp đồng nhưng Ngân hàng G1 tìm nhiều lý do để không gặp gỡ, không trao đổi, chặn liên lạc, nhằm chối bỏ trách nhiệm trả tiền thù lao cho Công ty L1. Hành vi này vừa vi phạm thoả thuận trong hợp đồng, vừa vi phạm văn hoá ứng xử trong kinh doanh. Công ty Luật JDC quyết định khởi kiện để yêu cầu Ngân hàng G1 thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng đã ký, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.

Căn cứ điểm 2 khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP.; Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Công ty L1 đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng TMCP T2 thanh toán số tiền:

Thù lao theo điểm 2 khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP.Bank là **150.000.000 đồng**.

Tiền lãi chậm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính từ ngày 17/10/2017 đến 17/02/2023 (tạm tính) là: $150.000.000 \times 64 \text{ tháng (05 năm 04 tháng)} \times 0,8333\%/\text{tháng (10\%/năm)} = 79.996.800 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là: $150.000.000 + 79.996.800 = \mathbf{229.996.800 \text{ đồng}}$ (Chưa bao gồm thuế GTGT).

[2] Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 14/8/2023, bị đơn Ngân hàng T2 trình bày:

+ Về việc ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý:

Ngày 14/01/2015, Ngân hàng TMCP T2 (Nay là Ngân hàng T2) – Chi nhánh T3 – Phòng G2 (G1) và Công ty L1 ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP(Bank) với các nội dung chính như sau:

- Điều 1: Nội dung công việc.

G1 đồng ý thuê và Công ty L1 đồng ý nhận tư vấn pháp lý trong quá trình khiếu nại tới các cấp, cá nhân có thẩm quyền bao gồm: Ủy Ban Pháp Luật và Ủ của

Q, Ông Chánh án TANDTC, Viện Trưởng VKSNDTC, Cơ quan thi hành án đề nghị xem xét lại Bản án số 375/2014/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa Phúc Thẩm – Tòa án Nhân dân Tối cao đối với phần dân sự trong Bản án hình sự có liên quan đến Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/04/2011 giữa bà Vũ Thị L với Hà Trung H4 với G1. Cụ thể nội dung thực hiện như sau:

Thu thập xác minh thêm các tài liệu và ý kiến hướng dẫn của các cơ quan chức năng liên quan trong trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho G1;

Đại diện cho G1 trong các thủ tục soạn thảo văn bản, đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm;

Tư vấn các thủ tục tố tụng và các vấn đề pháp lý nội dung liên quan trong việc giải quyết khiếu nại trên;

Đại diện cho G1 để gặp gỡ, trao đổi, giải trình với các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại Bản án 375/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa Phúc thẩm – Tòa án Nhân dân Tối cao nhằm chứng minh các yêu cầu của G1 là có căn cứ và hợp pháp;

Ngoài những nội dung tư vấn và công việc thực hiện nêu trên, nếu phát sinh những vụ việc khác thì hai bên sẽ thỏa thuận bằng phụ lục hoặc văn bản thỏa thuận khác.

Điều 2: Cách thức thực hiện hợp đồng.

Ngay sau khi hai bên ký kết Hợp đồng, Công ty L1 có nghĩa vụ:

(i) Cử luật sư phụ trách tư vấn để cùng với G1 phối hợp thực hiện việc tư vấn và tiếp nhận kết quả tư vấn;

(ii) Điều kiện luật sư chuyên trách: Việc tư vấn phải do các luật sư có trình độ và có hiểu biết về kinh doanh thương mại, luật doanh nghiệp, luật đất đai, Luật Hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan, đã từng tham gia một số vụ án tương tự;

(iii) Việc tư vấn sẽ được thực hiện Bằng văn bản hoặc một cách thức trong đó thể hiện rõ công việc tư vấn của Công ty L1 (tệp dữ liệu điện tử).

- Điều 6: Thù lao – Thời hạn – Thanh toán.

Thù lao cố định: 75.000.000 đồng.

Thù lao theo hiệu quả công việc: Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu các cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền ban hành quyết định kháng nghị thì G1 sẽ thưởng cho Công ty L1 một khoản tiền thưởng hiệu quả công việc. Mức thưởng theo hiệu quả công việc là 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, Hợp đồng còn quy định về thời gian, hiệu lực của Hợp đồng; Quyền và nghĩa vụ của các bên...

+ Về việc thực hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý và kháng nghị Giám đốc thẩm của Tòa án:

Mặc dù Công ty L1 chưa thực hiện công việc theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý, nhưng G1 vẫn thanh toán cho Công ty L1 số tiền: 75.000.000 đồng thù lao cố định theo Điều 6 của Hợp đồng.

G1 tự soạn thảo Đơn đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và nhiều lần gửi đến các cơ quan có chức năng. Công ty L1 không tư vấn, không tự triển khai công việc nào theo điều khoản Hợp đồng đã ký kết với G1. Ngoài ra, G1 tự liên lạc/làm việc với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền và/hoặc các cá nhân có liên quan để xem xét theo đề nghị của G1 về việc xem xét và kháng nghị Giám đốc thẩm Bản án 375/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao;

Ngày 14/9/2017, G1 nhận được Quyết định kháng nghị số 14/2017/KN-HS ngày 20/7/2017 của TANDTC đối với Bản án hình sự phúc thẩm số 375/2014/HSPT ngày 24/7/2014 của Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội.

Ngày 04/6/2018, G1 nhận được Quyết định số 08/2018/HS-GĐT ngày 11/5/2018 của TANDTC quyết định hủy toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm 375/2014/HSPT ngày 24/7/2014 của Tòa án phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;

Vụ việc sau đó đã được giải quyết bằng Bản án số 182/2019/HS-ST ngày 12/6/2019 của TAND Thành phố Hà Nội.

Ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã xét xử và đưa ra quyết định bản án sơ thẩm số 128/2020/KDTM-ST về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Công ty TNHH MTV Q1 của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và bà Vũ Thị L, ông Hà Trung H4 (bản án không bị kháng cáo và đã có hiệu lực pháp luật).

+ Về yêu cầu thanh toán tiền theo hiệu quả công việc của Công ty L1.

Từ khi ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý, Công ty L1 không thực hiện các công việc theo Hợp đồng. Tuy nhiên, ngày 29/4/2022 G1 nhận được Văn bản đề

ng nghị thanh toán số 2014/2022/ĐNTT-JDC/GPBank đề ngày 21/4/2022 của Công ty L1 đề nghị G1 thanh toán khoản tiền thù lao hiệu quả công việc là 150.000.000 đồng. Sau đó G1 tiếp tục nhận được Văn bản đề nghị thanh toán số 2305/2022/ĐNTT-JDC/GPBank ngày 23/5/2022 và Văn bản đề nghị thanh toán số 1406/2022/ĐNTT-JDC/GPBank ngày 13/6/2022.

Ngày 19/10/2022 G1 nhận được Công văn đến số 1285 cùng với Đơn khởi kiện của Công ty L1 gửi đến TAND Quận Hoàn Kiếm yêu cầu thanh toán số tiền thù lao hiệu quả công việc và tiền lãi chậm thanh toán.

Ngày 02/3/2023, G1 tiếp tục nhận được Công văn số 0203/2023/JDC-CV, thông báo về việc Công ty L1 khởi kiện yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý.

+ Về yêu cầu khởi kiện của Công ty L1:

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, TAND quận Hoàn Kiếm ra thông báo thụ lý số: 67/TB-TLVA về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ pháp lý theo đơn khởi kiện của Công ty L1. Những vấn đề mà Công ty Luật hợp danh JDC yêu cầu Tòa án giải quyết là:

Buộc Ngân hàng TMCP T2 thanh toán số tiền:

- Thù lao theo điểm 2 khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý là 150.000.000 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tính từ ngày 17/10/2017 đến 17/02/2023 (tạm tính) là: $150.000.000 \times 64 \text{ tháng (05 năm 04 tháng)} \times 0,8333\%/tháng (10\%/năm) = 79.996.800 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là: $150.000.000 + 79.996.800 = \mathbf{229.996.800 \text{ đồng}}$ (chưa bao gồm thuế GTGT).

+ Ý kiến của G1 đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty L1:

Về căn cứ pháp luật: Khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự quy định về trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.”*

Khoản 1 Điều 517 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ: *1. Thực hiện công việc đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và*

thỏa thuận khác.

Khoản 4 Điều 519 Bộ luật dân sự quy định về trả tiền dịch vụ: “4. Trường hợp dịch vụ được cung ứng không đạt được như thỏa thuận hoặc công việc không được hoàn thành đúng thời hạn thì bên sử dụng dịch vụ có quyền giảm tiền dịch vụ và yêu cầu bồi thường thiệt hại.”

Quy định về thời hiệu khởi kiện trong bộ luật dân sự

Khoản 1 Điều 154 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về bắt đầu thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự: “1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.”

Quy định pháp luật về Công khai Bản án:

Theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP (Nghị quyết 03) quy định về bản án, quyết định được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án: “1. Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị; bản án phúc thẩm; quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm giải quyết các vụ án hình sự, hành chính, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

2. Quyết định giải quyết việc dân sự có hiệu lực pháp luật, quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm giải quyết việc dân sự.”

Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 03 về thời hạn công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án: “Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án thuộc trường hợp hướng dẫn tại Điều 3 của Nghị quyết này có hiệu lực pháp luật, bản án, quyết định đó phải được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.”

Theo quy định Điểm C Mục 1 Công văn số 144/TANDTC-PC của Chánh án TANDTC về việc hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP:

“c) Về bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được công bố
- Theo hướng dẫn tại Điều 3 của Nghị quyết thì bản án, quyết định được công bố phải là bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; những bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị (bị kháng cáo, kháng nghị toàn bộ hoặc một phần) thì không

được công bố.

- Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-7-2017; do đó, Chủ tọa phiên tòa, phiên họp phải công bố bản án, quyết định thuộc trường hợp được công bố về những vụ việc mà Tòa án xét xử, giải quyết kể từ ngày 01-7-2017 trở đi. Tòa án có thể lựa chọn, công bố những bản án, quyết định có tính mẫu mực được ban hành trước ngày 01-7-2017 nhưng việc công bố phải bảo đảm thực hiện đúng hướng dẫn tại Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán.”

Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định về hiệu lực của quyết định giám đốc thẩm: “Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.”

Đôi chiếu quy định của pháp luật với yêu cầu của nguyên đơn cho thấy:

Theo Điều 1 Hợp đồng dịch vụ pháp lý Công ty L1 có nghĩa vụ phải thực hiện các công việc như sau:

+ Thu thập xác minh thêm các tài liệu và ý kiến hướng dẫn của các cơ quan chức năng liên quan trong trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho G1;

+ Đại diện cho G1 trong các thủ tục soạn thảo văn bản, đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm;

+ Tư vấn các thủ tục tố tụng và các vấn đề pháp lý nội dung liên quan trong việc giải quyết khiếu nại trên;

+ Đại diện cho G1 để gặp gỡ, trao đổi, giải trình với các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại Bản án 375/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa Phúc thẩm – Tòa án Nhân dân Tối cao nhằm chứng minh các yêu cầu của G1 là có căn cứ và hợp pháp;

+ Ngoài những nội dung tư vấn và công việc thực hiện nêu trên, nếu phát sinh những vụ việc khác thì hai bên sẽ thỏa thuận bằng phụ lục hoặc văn bản thỏa thuận khác.

Theo Khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng dịch vụ quy định về cách thức thực hiện hợp đồng:

“2.3 Việc tư vấn sẽ được thực hiện bằng văn bản hoặc một cách thức trong đó thể hiện rõ công việc tư vấn của Bên B (tệp dữ liệu điện tử).”

Theo Khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng dịch vụ quy định nghĩa vụ của Công ty L1:

“5.2.1 Cung cấp dịch vụ chính xác, kịp thời cho bên A.

5.2.2 Cử đại diện chuyên trách tham gia vào quá trình giải quyết công việc của Bên A.

5.2.3 Bảo mật các thông tin liên quan đến vụ việc mà bên A cung cấp.

5.2.4 Soạn thảo các văn bản liên quan tới các vụ việc trong quá trình giải quyết.”

Đến thời điểm hiện tại, Công ty L1 đã không thực hiện các công việc/nghĩa vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP.Bank như đã thỏa thuận. Vì vậy Công ty L1 đã vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ cung cấp dịch vụ pháp lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 351, Khoản 1 Điều 517 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với yêu cầu đòi bồi thường thù lao theo điểm 2 khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP.Bank và tiền lãi chậm thanh toán

Khoản 6.1.2 Điều 6 quy định: Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu các cơ quan Nhà Nước, cá nhân có thẩm quyền ban hành Quyết định kháng nghị thì Bên A sẽ thưởng cho bên B một khoản tiền thưởng hiệu quả công việc.... là 150 triệu đồng;

Khoản 3.1 Điều 3 quy định: Hợp đồng này có hiệu lực ngay sau khi được 2 bên ký hợp lệ cho đến khi công việc quy định tại Điều 1 kết thúc hoặc đến khi hai bên thanh lý Hợp đồng.

Tại Điều 1 Hợp đồng quy định về nội dung công việc của bên B: (i) Thu thập xác minh thêm các tài liệu và ý kiến hướng dẫn của các cơ quan chức năng trong trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho bên A (ii) Đại diện cho bên A trong các thủ tục soạn thảo văn bản, đơn đề nghị xét xét theo thủ tục Giám đốc thẩm (iii) Tư vấn các thủ tục tố tụng và các vấn đề pháp lý nội dung liên quan trong việc giải quyết khiếu nại trên (iv) Đại diện bên A để gặp gỡ trao đổi, giải trình với các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.....

Như vậy, nếu khách hàng thực hiện đúng các quy định tại Điều 1 của Hợp đồng, trong đó có việc làm việc, gặp gỡ các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền thì khi có Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm khách hàng có nghĩa vụ phải biết. Trường hợp khách hàng đã thực hiện xong việc gặp gỡ các cơ quan này trước thời điểm có Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm thì đã hết hiệu lực và thời hạn của Hợp đồng:

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm không có trong thời gian thực hiện Hợp đồng nên G1 không có nghĩa vụ thanh toán số tiền này.

Do đó: G1 chỉ thanh toán theo hiệu quả công việc (hứa thưởng) với các điều kiện nhất định, không phải mặc nhiên khi có Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm, Công ty L1 sẽ được thanh toán mà phải trong thời gian thực hiện Hợp đồng Công ty L1 phải thực hiện các công việc, nghĩa vụ theo Hợp đồng, mà khi đã thực hiện các công việc theo Hợp đồng thì phải biết Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm, với việc phải biết này thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, việc G1 không thanh toán cho Công ty L1 khoản tiền thù lao hiệu quả công việc là phù hợp với quy định pháp luật và thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định pháp luật, thời hiệu khởi kiện đối với vụ việc này là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Trong trường hợp này, Quyết định Giám đốc thẩm phải được công bố trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực pháp luật là ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định. Như vậy, Quyết định giám đốc thẩm số 08/2018/HS-GĐT ban hành ngày 11/04/2018 phải được công bố trên cổng thông tin điện tử chậm nhất là đến ngày 11/05/2018.

Khi Công ty L1 thực hiện đầy đủ các công việc, nghĩa vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã được trình bày tại mục 4.2.2 của văn bản này thì Công ty L1 phải biết ngay khi Quyết định kháng nghị số 14/2017/KN-HS ngày 20/07/2017 và Quyết định Giám đốc thẩm số 08/2018/HS-GĐT ngày 11/05/2018 của TANDTC ngay khi được ban hành. - Công ty Luật hợp danh JDC là Công ty Luật, có trình độ về pháp luật, đồng thời đang thực hiện công việc theo hiệu quả công việc (*Hứa thưởng*) nên phải biết Quyết định kháng nghị số 14/2017/KN-HS ngày 20/07/2017 và Quyết định Giám đốc thẩm số 08/2018/HS-GĐT ngày 11/05/2018 của TANDTC ngay khi được ban hành.

Do đó, theo quy định của pháp luật nêu trên và các quy định của Hợp đồng. Thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán số tiền 150 triệu đồng theo hiệu quả công việc (hứa thưởng) theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GPBank giữa G1 và Công ty L1 được tính từ ngày ngày 14/5/2018 (*03 ngày sau ngày 11/5/2018 là thời hạn thanh toán tiền thù lao hiệu quả công việc*) là ngày Công ty L1 biết hoặc phải biết quyền lợi của mình bị xâm phạm.

Từ những nội trình bày trên, có đủ căn cứ để khẳng định yêu cầu của Nguyên đơn là không có cơ sở. Đồng thời, G1 là Ngân hàng 100% vốn Nhà nước, để đảm bảo không ảnh hưởng/thiệt hại tài sản của Nhà nước, G1 đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội: Áp dụng thời hiệu khởi kiện do vụ việc đã hết thời hiệu khởi kiện, đình chỉ vụ án và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án số 53/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội đã xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty L1 đối với bị đơn Ngân hàng T2 (G1) về việc “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ pháp lý”.

[2]. Buộc bị đơn Ngân hàng T2 (G1) phải trả cho nguyên đơn Công ty L1 số tiền 150.000.000 đồng hứa thưởng + 88.746.450 đồng tiền lãi đối với số tiền hứa thưởng chậm thanh toán tạm tính đến ngày 17/8/2023 + 15.000.000 đồng (thuế giá trị gia tăng 10% \times 150.000.000 đồng). Tổng cộng là **253.746.450** (Hai trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng.

[3]. Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án: Nếu người phải thi hành án nghĩa vụ trả tiền chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 07/9/2023 Ngân hàng T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác xuất trình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm; Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ngân hàng T2 làm trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

+ Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy yêu cầu kháng cáo của Bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết, nên đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy theo thỏa thuận của các bên tại mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng có thỏa thuận về hiệu lực và thời hạn của hợp đồng: “ Hợp đồng này có hiệu lực ngay sau khi được hai bên ký hợp lệ cho đến khi công việc quy định tại Điều 1 kết thúc hoặc đến khi hai bên thanh lý Hợp đồng”. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều xác nhận hai bên chưa thanh lý hợp đồng. Sau khi nhận được kháng nghị số 14/2017/KN-HS ngày 20/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao và Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2018/HS-GĐT ngày 11/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với bản án số 375/2014/HSPT ngày 24/7/2014 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao Nguyên đơn không báo cho Bị đơn biết. Đến đầu năm 2022, Nguyên đơn mới biết thông tin về việc khiếu nại đề nghị xem xét lại theo trình tự giám đốc đốc với bản án số 375/2014/HSPT ngày 24/7/2014 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao đã có kết quả. Sau đó Nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền Bị đơn đã hứa thưởng cho Nguyên đơn nhưng Bị đơn không phản hồi. Ngày 07/3/2023, Nguyên đơn đã có đơn khởi kiện gửi ra Tòa án yêu cầu Bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả cho Nguyên đơn số tiền hứa thưởng và lãi suất chậm thanh toán theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 154, Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[2].Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 14/01/2015, Ngân hàng T2 – Chi nhánh T3 và Công ty L1 ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP.. Nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận:

Điều 1: Nội dung công việc.

“G1 đồng ý thu^ê và Công ty L1 đồng ý nhận t^ư vấn pháp l^ý trong quá trình khiếu nại tới các cấp, cá nhân có thẩm quyền bao gồm: Ủy Ban Pháp Luật và Ủ của Q, Ông Chánh án TANDTC, Viện Trưởng VKSNDTC, Cơ quan thi hành án đề đề nghị xem xét lại Bản án số 375/2014/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa Phúc Thâm – Tòa án Nhân dân Tối cao đối với phần dân sự trong Bản án hình sự có liên quan đến Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/04/2011 giữa bà Vũ Thị L với Hà Trung H4 với G1. Cụ thể nội dung thực hiện như sau:

+ Thu thập xác minh thêm các tài liệu và ý kiến hướng dẫn của các cơ quan chức năng liên quan trong trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho G1;

+ Đại diện cho G1 trong các thủ tục soạn thảo văn bản, đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm;

+ Tư vấn các thủ tục tố tụng và các vấn đề pháp lý nội dung liên quan trong việc giải quyết khiếu nại trên;

+ Đại diện cho G1 để gặp gỡ, trao đổi, giải trình với các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại Bản án 375/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa Phúc thâm – Tòa án Nhân dân Tối cao nhằm chứng minh các yêu cầu của G1 là có căn cứ và hợp pháp;”

Điều 6: Thù lao – Thời hạn – Phương thức thanh toán các bên thoả thuận:

“6.1 Mức thù lao cố định và mức thưởng theo hiệu quả công việc sẽ được quy định như sau:

6.1.1 Thù lao cố định: 75.000.000 đồng

6.1.2 Thù lao theo hiệu quả công việc: Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu các cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền ban hành quyết định kháng nghị thì Bên A sẽ thưởng cho Bên B một khoản tiền thưởng hiệu quả công việc. Mức thưởng theo hiệu quả công việc là 150.000.000 đồng”.

Xét thấy việc ký kết hợp đồng giữa các bên được thực hiện trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm này các bên đương sự đều xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 14/01/2015 Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 55.000.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Ngày 02/02/2015, Bị đơn tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 27.500.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Tuy nhiên, bị đơn cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng Nguyên đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ công việc theo thoả thuận tại Điều 1 của Hợp đồng và việc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền trên chỉ là do có sự tin tưởng nhau và cho rằng ông Nguyễn Lê P2 không được Ngân hàng ủy quyền để làm việc với Công ty L1. Phía Nguyên đơn lại cho rằng sau khi ký kết hợp đồng Nguyên đơn đã soạn thảo các văn bản và làm việc với ông Nguyễn Lê P2 cán bộ của Ngân hàng là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng để hướng dẫn bị đơn các thủ tục để khiếu nại đến các cơ quan chức năng.

Xét thấy, tại các bản án, quyết định của các cơ quan tố tụng (Bản án 375/2014/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa Phúc Thẩm – Tòa án nhân dân Tối Cao; Quyết định kháng nghị số 14/2017/KN-HS ngày 20/07/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao; Bản án số 182/2019/HS-ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Bản án số 174/2020/DS-ST ngày 25/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh) đều có tên ông Nguyễn Lê P2 là người đại diện theo uỷ quyền cho Ngân hàng G1 tham gia tố tụng trong vụ án xét xử có liên quan đến Vũ Thị L và bị cáo Hà Trung H4.

Tại văn bản trình bày đề ngày 19/8/2023 của ông Nguyễn Lê P2 (nguyên là nhân viên Ngân hàng T2 (G1), Chi nhánh T3 – P3, ông Nguyễn Lê P2 đã xác nhận: Ông P2 là nhân viên Ngân hàng G1 từ năm 2007 đến ngày 08/5/2023, được lãnh đạo Ngân hàng G1 – P3 giao liên hệ, cung cấp hồ sơ, giấy tờ liên quan cho Công ty L1 nghiên cứu những thông tin cần thiết để Công ty L1 hoàn thành Đơn kháng nghị. Ông P2 là người tiếp nhận Đơn từ Công ty L1 để nộp các cơ quan có thẩm quyền theo danh sách của Công ty L1 cung cấp. Như vậy, có cơ sở để xác định Công ty L1 đã thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP.Bank ngày 14/01/2015.

Hơn nữa, theo thoả thuận trong Hợp đồng tại điểm 6.3.1 mục 6.3 Điều 6 quy định: “...Lần 2: Thanh toán 25.000.000 đồng trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Bên A nhận Đơn yêu cầu xem xét lại bản án theo trình tự giám đốc thẩm.”. Theo thoả thuận trên, thì Ngân hàng T2 chỉ thanh toán cho Công ty L1 khi Công ty luật thực hiện công việc theo hợp đồng, soạn thảo và gửi cho Ngân hàng T2 Đơn yêu cầu xem xét lại bản án theo trình tự giám đốc thẩm. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 02/02/2015, Công ty L1 có văn bản đề nghị thanh toán số 022/ĐNTT-JDC ngày

02/02/2015 gửi Ngân hàng T2. Ngày 02/02/2015, Ngân hàng T2 đã thanh toán cho Công ty L1 số tiền là 27.500.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Công ty L1 đã xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000073 ngày 02/02/2015. Điều này thể hiện Công ty L1 đã thực hiện công việc theo thỏa thuận của các bên, thì Ngân hàng T2 mới thanh toán trả cho Công ty L1 số tiền trên. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của Bị đơn.

* Đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn Ngân hàng T2 phải thanh toán khoản tiền thưởng hiệu quả công việc là 150.000.000 đồng theo Hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy: Trên cơ sở đơn khiếu nại của Ngân hàng T2, ngày 20/7/2017 Chánh án Toà án nhân dân tối cao ban hành Kháng nghị số 14/2017/KN-HS kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 375/2014/HSPT ngày 24/7/2014 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm huỷ toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên và Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2014/HSST ngày 21/02/2014 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội đối với bị cáo Vũ Thị L và bị cáo Hà Trung H4 chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra lại theo thủ tục chung.

Ngày 11/4/2018, Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã mở phiên toà giám đốc thẩm xử huỷ toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm số 375/2014/HSPT ngày 24/7/2014 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2014/HSST ngày 21/02/2014 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội để điều tra lại (Quyết định số 08/2018/HS-GĐT ngày 11/4/2018).

Ngày 26/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo Vũ Thị L và Hà Trung H4 về tội “*lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Ngày 12/6/2019, Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội đã mở phiên toà xét xử vụ án đối với bị cáo L, H4. Tại phần nhận định của Bản án hình sự sơ thẩm số 182/2019/HS-ST ngày 12/6/2019 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội đã nêu rõ bị cáo L, H4 lừa đảo anh Vương Văn T1 chiếm đoạt số tiền 1,2 tỷ đồng; chiếm đoạt của bà Lê Thị N số tiền 5,1 tỷ đồng. Riêng đối với việc đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lại Văn H5 thì Hội đồng xét xử xác định việc mua bán thửa đất 92m² giữa anh Lại Văn H5 với L, H4 chưa hoàn tất, chưa đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật nên không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án hình sự này, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Khi xét xử lại vụ án, Toà án đã không xác định bị cáo L, H4 lừa đảo chiếm đoạt 1,4 tỷ đồng của Ngân hàng

G1, đây là cơ sở để Ngân hàng G1 khởi kiện đòi nợ bà Hà Thị N1 (mẹ Hà Trung H4) và công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/4/2011 giữa bà Vũ Thị L và ông Hà Trung H4 với Ngân hàng G1 là hợp pháp, Ngân hàng G1 có quyền phát mại đối với tài sản thế chấp.

Ngày 25/9/2020, Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội đã đưa vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng G1 và bà Hà Thị N1 ra xét xử sơ thẩm (Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2020/DS-ST ngày 25/9/2020). Bản án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng G1 về việc xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 92m² thửa đất số 86, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP939959, số vào sổ cấp GCN 345/2884/QĐUB do UBND huyện Đ cấp ngày 05/11/2009 đứng tên Vũ Thị L theo Hợp đồng thế chấp ngày 28/4/2011.

Như vậy, với quyết định của các Toà án có thẩm quyền nêu trên cho thấy nội dung khiếu nại của Ngân hàng G1 về việc đề nghị xem xét lại Bản án số 375/2014/HSPT ngày 24/07/2014 của Tòa Phúc thẩm – Tòa án nhân dân Tối cao đối với phần dân sự trong Bản án hình sự có liên quan đến Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/04/2011 giữa bà Vũ Thị L với Hà Trung H4 với G1 đã có kết quả, các bên tham gia giao kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP.Bank ngày 14/01/2015 đã đạt được mục đích.

Theo thỏa thuận của các bên tại điểm 6.1.2 mục 6.1 Điều 6 của Hợp đồng, các bên có thoả thuận: *“Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu các cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền ban hành quyết định kháng nghị thì Bên A sẽ thưởng cho Bên B một khoản tiền thưởng hiệu quả công việc. Mức thưởng theo hiệu quả công việc là 150.000.000 đồng”*.

Tại phiên toà, các đương sự đều xác nhận các bên chưa thanh lý hợp đồng; bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì về việc nguyên đơn có vi phạm Hợp đồng dẫn tới bị đơn phải thông báo chấm dứt hay đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng.

Từ những căn cứ trên căn cứ Điều 513,515,516, 518,519 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng tiền hứa thưởng theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/HDPL/JDC-GP.Bank ngày 14/01/2015 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

* Đối với yêu cầu của Nguyên đơn, yêu cầu Bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi chậm thanh toán theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính từ ngày 17/9/2017 (sau 03 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định kháng nghị số 14/2017/KN-HS của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao - ngày nhận được là ngày đóng dấu công văn đến của Ngân hàng G1 là ngày 14/9/2017) đến 17/8/2023 là: 88.746.450 đồng và khoản tiền thuế giá trị gia tăng (10%) đối với khoản tiền thưởng 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: theo thỏa thuận của các bên tại điểm 6.3.2 mục 6.3 Điều 6 của Hợp đồng thì: *“Bên A thanh toán cho Bên B thù lao theo hiệu quả công việc quy định tại điểm 2 khoản 1 Điều 6 hợp đồng này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Quyết định kháng nghị”*.

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 14/9/2017, bị đơn nhận được Quyết định kháng nghị số 14/2017/KN-HS ngày 20/7/2017 nhưng không thông báo cho bên Nguyên đơn biết và cũng không thanh toán khoản tiền hứa thưởng theo hợp đồng cho Nguyên đơn, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền 150.000.000 đồng cho Nguyên đơn tạm tính từ ngày 17/9/2017 đến ngày 17/8/2023 với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự, cụ thể là: 150.000.000 đồng x 10%/năm x 71 tháng = 88.746.450 đồng và 10% khoản tiền thuế giá trị gia tăng đối với khoản tiền thưởng 150.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn tổng số tiền là: 253.746.450 đồng. Trong đó khoản tiền hứa thưởng là: 150.000.000 đồng; khoản tiền lãi chậm thanh toán: 88.746.450 đồng; Khoản tiền thuế giá trị gia tăng (10% x 150.000.000 đồng) là: 15.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, nên được chấp nhận.

* Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 513, 514, 515, 518, 519; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Ngân hàng T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0052576 ngày 25/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGÔ TUYẾT BĂNG.